

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Hữu M; địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị C; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Hữu M trình bày:

Anh Lê Hữu M kết hôn với chị Bùi Thị C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 10 năm 2018. Sau khi kết hôn anh M, chị C ăn ở sinh sống tại xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, thiếu tin tưởng lẫn nhau nên thường xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Do mâu thuẫn, anh M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Ấp Trần, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng sinh sống từ tháng 3 năm 2021 và vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa anh M và chị C đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị C. Anh và chị C không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị C có nơi cư trú tại xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị C không hợp tác, cố tình trốn tránh. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho chị C nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Bùi Thị C vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Hữu M.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho ly hôn giữa anh Lê Hữu M và chị Bùi Thị C. Về con chung và tài sản chung anh Lê Hữu M và chị Bùi Thị C không có, không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Anh Lê Hữu M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Trích lục kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy chứng minh nhân dân của anh Lê

Hữu M; Bản tự khai; Đơn đề nghị; Biên bản lấy lời khai; Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình chị Bùi Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là chị Bùi Thị C đang cư trú tại xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Bùi Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị C.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Hữu M và chị Bùi Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 10 năm 2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất nên thường xảy ra cãi vã, mâu thuẫn lẫn nhau. Do mâu thuẫn anh M, chị C đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị C đều vắng mặt không có lý do, thể hiện chị C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh M và không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Hữu M và chị Bùi Thị C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Lê Hữu M được ly hôn chị Bùi Thị C.

[3] Về con chung: Anh Lê Hữu M và chị Bùi Thị C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Lê Hữu M khai anh và chị Bùi Thị C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, chưa có lời khai của chị Bùi Thị C nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Lê Hữu M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Hữu M và chị Bùi Thị C.
2. Về con chung: Anh Lê Hữu M và chị Bùi Thị C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về án phí: Anh Lê Hữu M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015872 ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Anh Lê Hữu M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Hữu M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - TAND thành phố Hải Phòng;
 - VKSND huyện Thủy Nguyên;
 - Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
 - UBND xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 24/10/2018);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

